

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 15 - 4 - 2024

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản chung khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Thắng;

2. Bà Võ Thị Kim Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Diện – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Lê Thuỳ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 232/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST–HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1979, địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện nay: Số nhà C H, khu phố F, Phường A, thành phố Đ, Quảng Trị, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Trung T1, sinh năm: 1977, địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 19/9/2023, tại các phiên hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trung T1 đã đăng ký kết hôn vào ngày 13/02/2006 tại UBND xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị (GCNKH số

06/2006/quyển 01). Trong quá trình chung sống vợ chồng không đồng quan điểm và dẫn đến không tìm được hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng nảy sinh nhiều hơn và nghiêm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được. Từ đầu tháng 02/2024 đến nay chị Nguyễn Thị T về nhà ông ngoại của chị M (tại số nhà C H, Khu phố F, Phường A, thành phố Đ) sinh sống, không còn tình cảm yêu thương nên chị T yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Trung T1. Về con chung: Chị T, anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 02/10/2006 và Nguyễn Ngọc Thanh T2, sinh ngày 12/3/2014. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị T tại nhà ông ngoại của chị T (ông Võ Hồng T3). Trước đây, chị T và cháu T2 đến nhà ông T3 để ở, cháu D ở lại cùng với anh T1 tại nhà. Tuy nhiên, do cháu D đang ôn thi đại học nên chị T đưa cháu về ở cùng để tiện chăm sóc, giúp đỡ cháu trong thời gian ôn thi. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi hai cháu 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu thành niên.

Về tài sản chung: Vợ chồng có các tài sản chung sau: Quyền sử dụng đất diện tích 100m², thửa đất số 308 (lô số 27), tờ bản đồ số 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 919993 do UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Hà cấp ngày 05/8/2009 cho ông Nguyễn Trung T1 và bà Nguyễn Thị T, địa chỉ thửa đất tại đường P, khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, trị giá: 1.000.000.000 đồng và 01 ngôi nhà 02 tầng toạ lạc tại thửa đất nói trên, trị giá 895.308.120 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 74C1-105.88, đăng ký xe số 009059 mang tên Nguyễn Trung T1, trị giá: 7.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 74K2-0041, đăng ký xe số 000046 mang tên Nguyễn Trung T1, trị giá 7.000.000 đồng.

Chị T có nguyện vọng: Tài sản chung chia đôi, mỗi người hưởng ½ giá trị. Chị T sở hữu, sử dụng các tài sản: Quyền sử dụng đất 100m² thửa đất số 308 (lô số 27), tờ bản đồ số 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 919993 cấp ngày 05/8/2009 cùng với 01 ngôi nhà 02 tầng toạ lạc tại thửa đất nói trên, trị giá nhà và đất: 1.895.308.120 đồng và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 74C1-105.88, đăng ký xe số 009059 mang tên Nguyễn Trung T1, trị giá khoảng 7.000.000 đồng;

Giao cho anh Nguyễn Trung T1 sở hữu, sử dụng 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 74K2-0041, đăng ký xe số 000046 mang tên Nguyễn Trung T1, trị giá khoảng 7.000.000 đồng. Chị T có nghĩa vụ giao cho anh T1 số tiền chênh lệch chia tài sản: 947.654.060 đồng.

Ngoài ra, theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị T yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm 08 sổ tiết kiệm có kỳ hạn gửi tại Ngân hàng A – Chi nhánh thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị mang tên khách hàng Nguyễn Trung T1 với tổng số tiền gốc là

432.000.000 đồng, cụ thể: Sổ số AC 00036661979 ngày 26/7/2023, số tiền 27.000.000 đồng; Sổ số AC 00036640942 ngày 08/5/2023, số tiền 85.000.000 đồng; Sổ số AC 00033875746 ngày 19/01/2023, số tiền 20.000.000 đồng; Sổ số AC 00033875182 ngày 29/12/2022, số tiền 30.000.000 đồng; Sổ số AC 00033868626 ngày 02/12/2022, số tiền 40.000.000 đồng; Sổ số AC 00033850325 ngày 26/10/2022, số tiền 85.000.000 đồng; Sổ số AC 00033850306 ngày 19/10/2022, số tiền 50.000.000 đồng; Sổ số AC 00028963134 ngày 28/01/2022, số tiền 95.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện do các đương sự đã tự rút toàn bộ tiền trong 08 sổ tiết kiệm và tự phân chia.

Tại Bản trình bày ý kiến đề ngày 28/10/2023, ngày 25/12/2023, tại phiên hòa giải và tại phiên toà bị đơn anh Nguyễn Trung T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống như chị T trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng anh T1 có trách nhiệm với gia đình, thương yêu vợ con. Nhưng gần đây, chị T thường xuyên xúc phạm anh T1, đưa ra thông tin anh T1 có mối quan hệ ngoài vợ chồng làm mất danh dự, uy tín của anh T1, đặc biệt xúc phạm đến nghề nhà giáo làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh T1 thấy không thể tiếp tục chung sống nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 02/10/2006 và Nguyễn Ngọc Thanh T2, sinh ngày 12/3/2014. Khi ly hôn, anh T1 tha thiết có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 hoặc cả 02 con chung. Bản thân anh T1 có nghề nghiệp, có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng các con. Nếu được nuôi cả 02 con anh T1 không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp giao cả 02 con cho chị T nuôi dưỡng thì anh T1 cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: Anh T1 thống nhất tài sản số lượng tài sản, giá trị và có nguyện vọng chia đôi, mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản.

- Giao cho chị Nguyễn Thị T sở hữu, sử dụng 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 74C1-105.88, đăng ký xe số 009059 hiện vẫn mang tên Nguyễn Trung T1, trị giá khoảng 7.000.000 đồng; 01 ngôi nhà xây 02 tầng và quyền sử dụng đất thửa đất số 308 (lô số 27), tờ bản đồ số 02 diện tích: 100m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 919993 do UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Hà cấp ngày 05/8/2009 mang tên ông Nguyễn Trung T1 và bà Nguyễn Thị T, địa chỉ thửa đất tại đường P, khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Trị giá: Quyền sử dụng đất: 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng; nhà ở: 895.308.120 (T4 trăm chín mươi lăm triệu ba trăm linh tám nghìn một trăm hai mươi) đồng.

- Anh Nguyễn Trung T1 sở hữu, sử dụng 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, biển

kiểm soát 74K2-0041, đăng ký xe số 000046 mang tên Nguyễn Trung T1, trị giá khoảng 7.000.000 đồng và được nhận phần chênh lệch giá trị từ việc chia tài sản chung là 947.654.060 đồng (do chị T chuyển giao).

Thông nhất với ý kiến của nguyên đơn về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 08 sổ tiết kiệm vì anh chị đã tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà phát biểu quan điểm:

Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T là đúng thẩm quyền. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo về trình tự thủ tục tố tụng theo quy định; tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự; người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 55; Điều 81, 82 và 83; Điều 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

- Công nhận thuận tình ly hôn, giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trung T1.
- Về con chung: Giao các con chung Nguyễn Tiến D, sinh ngày 02/10/2006 và Nguyễn Ngọc Thanh T2, sinh ngày 12/3/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh Nguyễn Trung T1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi cháu (*Tổng 3.000.000 đồng/tháng/02 cháu*). Thời gian cấp dưỡng, kể từ tháng 4/2024 cho đến khi các cháu thành niên. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho chị T sở hữu, sử dụng quyền sử dụng đất thửa đất số 308 (lô số 27), tờ bản đồ số 02 diện tích: 100m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 919993 do UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Hà cấp ngày 05/8/2009 mang tên ông Nguyễn Trung T1 và bà Nguyễn Thị T, địa chỉ thửa đất tại đường P, khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và 01 ngôi nhà xây 02 tầng gắn liền với quyền sử dụng đất nói trên. Trị giá: Quyền sử dụng đất: 1.000.000.000 (*Một tỷ*) đồng; nhà ở trên thửa đất trị giá: 895.308.120 (*T4 trăm chín mươi lăm triệu ba trăm linh tám nghìn một trăm hai mươi*) đồng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 74C1-105.88, đăng ký xe số 009059 mang tên Nguyễn Trung T1, trị giá khoảng 7.000.000 đồng. Chị T có nghĩa vụ giao số tiền chênh lệch về tài sản cho anh T1.

Giao cho anh T1 sở hữu, sử dụng 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 74K2-0041, đăng ký xe số 000046 mang tên Nguyễn Trung T1, trị giá khoảng 7.000.000 đồng.

Về chi phí tố tụng: Chị T, anh T1 đều phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc chị T và anh T1 phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình

sơ thẩm, chia tài sản chung; anh T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Trung T1, giải quyết nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà theo quy định tại Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về tư cách tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu đưa Ngân hàng N vào tham gia tố tụng. Trong quá trình tố tụng, các bên đã tự giải quyết và rút một phần yêu cầu khởi kiện. Do đó, chấm dứt tư cách tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N.[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trung T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị đăng ký ngày 13/02/2006. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị T cho rằng, vợ chồng không đồng quan điểm, không tìm được hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng nảy sinh nhiều hơn và nghiêm trọng, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống. Anh T1 cho rằng, chị T thường xuyên xúc phạm anh T1, đưa ra thông tin không đúng sự thật rằng anh T1 có mối quan hệ ngoài vợ chồng làm mất danh dự, uy tín của anh T1, thậm tệ hơn là xúc phạm nghề nghiệp của anh T1. Việc vợ chồng thiếu tin tưởng, tôn trọng nhau, hoài nghi và xúc phạm đến nhau đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hạnh phúc, tình cảm yêu thương, ảnh hưởng đến nghề nghiệp và con cái. Thực tế, từ đầu tháng 02/2024 đến nay chị Nguyễn Thị T không còn sống chung với anh T1 nữa. Điều đó cho thấy mâu thuẫn đã đến đỉnh cao, anh chị không còn yêu thương, gắn kết với nhau, không thể hàn gắn và cả hai đều mong muốn được ly hôn. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện, yêu thương, giữ gìn hạnh phúc bên nhau, nhưng cả hai anh chị không còn yêu thương nhau nữa, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận nguyện vọng của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trung T1 để công nhận thuận tình ly hôn. [2.2] *Về con chung*: Vợ chồng chị T, anh T1 có 02 con chung là: Nguyễn Tiến D, sinh ngày 02/10/2006 và Nguyễn Ngọc Thanh T2, sinh ngày 12/3/2014. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng. Anh T1 tha thiết có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 đến 02 con chung. Bởi lẽ, anh là giáo viên, có thu nhập ổn định và thời gian chăm sóc, giáo dục con.

Xét thấy: Cả chị T và anh T1 đều có công việc làm, có thu nhập ổn định nên đều

có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Nguyên vọng của anh T1 được tha thiết chăm sóc nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn chính đáng, bản thân anh T1 cũng có đầy đủ khả năng và điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt. Tuy nhiên, xem xét về nguyên vọng của 02 cháu đều mong muốn được ở với mẹ. Cháu Nguyễn Ngọc Thanh T2, sinh ngày 12/3/2014, là con gái, đang ở tuổi bắt đầu dậy thì, cần sự nuôi dưỡng, dạy dỗ, chăm sóc của người mẹ để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt tâm lý, giới tính và những sinh hoạt của bé gái mới lớn, nên giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý. Đối với cháu D, ngày 22/11/2023, Toà án đã hoà giải giao mỗi người nuôi 01 con chung và giao cháu D cho anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau đó, ngày 24/11/2023, chị T thay đổi ý kiến về việc nuôi con, đồng thời nộp kèm Bản trình bày nguyên vọng của cháu D mong muốn được ở cùng với mẹ. Quá trình giải quyết vụ án anh T1 cũng đã xin phép Toà án được đưa cháu D đến để nghe ý kiến của cháu. Qua trao đổi, cháu D vẫn giữ nguyên nguyên vọng được ở với mẹ, hiện cháu D đã 17 tuổi 06 tháng 13 ngày, đang học lớp 12. Đây là giai đoạn quan trọng nhất cháu cần ổn định tâm sinh lý, tập trung cho việc học tập để tham gia thi kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia. Do đó, cần xem xét về quyền lợi sát thực nhất của con chưa thành niên, nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho cháu có một kỳ thi thuận lợi, đạt kết quả như mong muốn nên chấp nhận nguyên vọng của cháu D, giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Anh T1 trình bày, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Tại phiên toà, chị T trình bày, chi phí ăn uống, học tập và sinh hoạt của 02 cháu mỗi tháng khoảng hơn 5.000.000 đồng. Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, việc cấp dưỡng nuôi con để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt của con là cần thiết, đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào mức lương hàng tháng của anh T1 do cơ quan sử dụng lao động cung cấp, số tiền anh T1 thực nhận hàng tháng khoảng gần 7,7 triệu đồng. Anh T1 cũng trình bày, nếu phải cấp dưỡng nuôi con thì khả năng anh có thể cấp dưỡng là: 1.000.000 đồng/ tháng cho 01 cháu. Phần còn lại còn đảm bảo cho cuộc sống và sinh hoạt của anh. Xem xét ý kiến của anh T1, Hội đồng xét xử thấy rằng: Thu nhập của anh ở mức trung bình, sau khi ly hôn, anh còn phải thuê nhà để ở, bắt đầu cuộc sống mới cũng có nhiều khó khăn. Mặt khác, Luật Hôn nhân và Gia đình quy định vợ chồng có quyền và nghĩa vụ như nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Chị T và anh T1 đều có nghĩa vụ nuôi dưỡng các con tương đương nhau. Do đó, cần chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con như đề nghị của Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp. Buộc anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu: 1.500.000 đồng/tháng (3.000.000 đồng/ tháng cho cả 02 cháu).[2.3] Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng gồm có: Quyền sử

dụng đất diện tích 100m², thửa đất số 308 (lô số 27), tờ bản đồ số 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 919993 do UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Hà cấp ngày 05/8/2009 cho ông Nguyễn Trung T1 và bà Nguyễn Thị T, địa chỉ thửa đất tại đường P, khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và 01 ngôi nhà 02 tầng toạ lạc tại thửa đất nói trên; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 74C1-105.88, đăng ký xe số 009059 mang tên Nguyễn Trung T1, trị giá: 7.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 74K2-0041, đăng ký xe số 000046 mang tên Nguyễn Trung T1, trị giá 7.000.000 đồng. Chị T và anh T1 đều có nguyện vọng: Tài sản chung chia đôi, mỗi người hưởng ½ giá trị. Thống nhất giá trị tài sản theo Chứng thư thẩm định số 0040/24.03/NSTA/ QTI/EXIMA gồm: Quyền sử dụng đất trị giá: 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng; Trị giá nhà ở trị giá: 895.308.120 đồng (T4 trăm chín mươi lăm triệu ba trăm linh tám nghìn một trăm hai mươi đồng) và thoả thuận như sau: Giao cho chị T sở hữu, sử dụng quyền sử dụng đất thửa đất số 308 (lô số 27), tờ bản đồ số 02 diện tích: 100m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 919993 do UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Hà cấp ngày 05/8/2009 mang tên ông Nguyễn Trung T1 và bà Nguyễn Thị T, địa chỉ thửa đất tại đường P, khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và 01 ngôi nhà xây 02 tầng gắn liền với quyền sử dụng đất nói trên; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 74C1-105.88, đăng ký xe số 009059 mang tên Nguyễn Trung T1, trị giá khoảng 7.000.000 đồng. Chị T có nghĩa vụ giao số tiền chênh lệch về tài sản cho anh T1 là: 947.654.060 đồng (Chín trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi đồng). Giao cho anh T1 sở hữu, sử dụng 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 74K2-0041, đăng ký xe số 000046 mang tên Nguyễn Trung T1, trị giá khoảng 7.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy: Thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội nên công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Chị Nguyễn Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu phân chia số tiền tiết kiệm 432.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện. Anh T1 cũng thống nhất đã tự giải quyết. Nên áp dụng Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện.[3] Về chi phí tố tụng: Chị T và anh T1 đều thống nhất mỗi người phải chịu ½ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá là 8.574.000 đồng. Thoả thuận trên là đúng với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Chị T đã nộp đủ. Anh T1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị T số tiền 8.574.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trung T1 phải chịu mỗi người 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 40.639.622 đồng án phí chia tài sản chung (954.654.060 đồng x5%); anh Nguyễn Trung T1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55; 81; 82; 83; 84 Điều 33 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình, tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trung T1.

1.2. Về con chung, xử: Giao cháu Nguyễn Ngọc Thanh T2, sinh ngày 12/3/2014 và cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 02/10/2006 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T1 cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng (3.000.000 đồng/tháng cho cả 02 cháu). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

- Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Trung T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Nếu lợi dụng việc thăm nom con mà gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

1.3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cho chị T sở hữu, sử dụng quyền sử dụng đất thửa đất số 308 (lô số 27), tờ bản đồ số 02 diện tích: 100m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 919993 do UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Hà cấp ngày 05/8/2009 mang tên ông Nguyễn Trung T1 và bà Nguyễn Thị T, địa chỉ thửa đất tại đường P, khu phố T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, trị giá: 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng và 01 ngôi nhà xây 02 tầng gắn liền với quyền sử dụng đất nói trên, trị giá: 895.308.120 đồng (T4 trăm chín mươi lăm triệu ba trăm linh tám nghìn một trăm hai mươi đồng); 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 74C1-105.88, đăng ký xe số 009059 mang tên Nguyễn Trung T1, trị giá 7.000.000 đồng.

Giao cho anh T1 sở hữu, sử dụng 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 74K2-0041, đăng ký xe số 000046 mang tên Nguyễn Trung T1, trị giá 7.000.000 đồng.

Chị T có nghĩa vụ giao số tiền chênh lệch về tài sản cho anh T1 là: **947.654.060** đồng (Chín trăm bốn mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi đồng).

2. Về chi phí tố tụng: Chị T và anh T1 mỗi người phải chịu 8.574.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá. Chị T đã nộp đủ. Anh T1 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị T số tiền 8.574.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm

định giá.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

1.4. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc yêu cầu phân chia 08 quyền sở hữu tài sản.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử buộc:

3.1. Chị Nguyễn Thị T phải chịu: 40.789.622 đồng dân sự sơ thẩm. Trong đó: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng; án phí chia tài sản chung 40.639.622 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 28.440.000 đồng theo biên lai thu tiền số CC/2021/0000979 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà; Chị T còn phải nộp thêm 12.349.622 đồng án phí.

3.2. Anh Nguyễn Trung T1 phải chịu: 41.089.622 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trong đó: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng; án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng và án phí chia tài sản chung 40.639.622 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND, Chi cục THADS TP Đông Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Gio Mai;
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Xuân Hương